Báo cáo Thị trường Thép

Tháng 4 2026

Báo cáo cập nhật bức tranh toàn cảnh về tình hình sản xuất, biến động giá cả, tình hình tiêu thụ và các dự báo về thị trường thép trong nước và thế giới.

Mục lục

Tóm tắt 03

Phần I: Thị trường thép thế giới 04

1. Sản lượng, tiêu thụ thép 04
2. Giá thép 05
3. Dự báo 06

Phần II: Thị trường thép Trung Quốc 07

1. Sản lượng 07
2. Xuất nhập khẩu, tồn kho 08
3. Diễn biến giá 10

Phần III: Thị trường thép Việt Nam 11

1. Nguồn cung 11
2. Tiêu thụ 12
3. Diễn biến giá 14
4. Dự báo 16

Phần IV: Hoạt động của các doanh nghiệp trong ngành 18

1. Triển vọng ngành thép 18
2. Hoạt động của các doanh nghiệp trong ngành 19

Phụ lục 22

Viết tắt, giải nghĩa

CISA: Hiệp hội Thép Trung Quốc
Eurofer: Hiệp hội thép châu Âu
HRC: Thép cuộn cán nóng
ITA: Cơ quan Quản lý Thương mại Quốc tế Mỹ
VSA: Hiệp hội Thép Việt Nam
Worldsteel: Hiệp hội Thép Thế giới

Để thuận tiện hơn trong việc xem và tra cứu báo cáo này, xin mời quý vị tải bản PDF về và mở trên các phần mềm chuyên dụng như Adobe PDF Reader hoặc Foxit Reader.

Mục lục
Viết tắt, giải nghĩa

Tóm tắt

Thị trường Thép Thế giới

- **Sản lượng:** Đạt 153,4 triệu tấn trong tháng 4/2026, giảm 1,9% so với tháng 4/2025; lũy kế 4 tháng đầu năm đạt 613,3 triệu tấn, giảm 2,0%.
- **Giá cả:** Ghi nhận xu hướng trái chiều; trong khi giá tại Mỹ và Trung Quốc tăng do nguồn cung hạn chế, giá nội địa tại EU giảm nhẹ nhưng giá chào nhập khẩu tăng mạnh 16,5%.
- **Dự báo:** Công suất dư thừa toàn cầu dự kiến lên tới 745 triệu tấn vào năm 2026; nhu cầu tiêu thụ tăng trưởng khiêm tốn (0,9%/năm) trong khi năng lực sản xuất dự kiến tăng 5,7% vào năm 2028.

Thị trường Thép Trung Quốc

- **Sản xuất:** Đạt 83,63 triệu tấn trong tháng 4, mức thấp nhất kể từ năm 2018; lũy kế 4 tháng đạt 331,12 triệu tấn, giảm 4,1% so với cùng kỳ năm 2025.
- **Thương mại:** Xuất khẩu thép 4 tháng đầu năm đạt 34,214 triệu tấn, giảm 9,7%; nhập khẩu thép thành phẩm giảm 13,4% trong khi nhập khẩu quặng sắt tăng mạnh 8%.
- **Giá cả:** Giá chào HRC tăng mạnh 7,2% trong tháng 4 đạt mức cao nhất kể từ tháng 7/2024; giá thép thanh kỳ hạn giữ xu hướng tăng từ giữa tháng 4 dù nhu cầu thực tế còn chậm.

Thị trường Thép Việt Nam

- **Sản xuất:** Duy trì đà tăng trưởng tích cực; thép thô tháng 4 tăng mạnh 24,2%, giúp Việt Nam giữ vững vị trí trong Top 10 quốc gia sản xuất thép lớn nhất thế giới tháng thứ hai liên tiếp.
- **Tiêu thụ:** Phục hồi mạnh mẽ với tổng lượng bán hàng thép thành phẩm 4 tháng đầu năm tăng 14,1%, chủ yếu nhờ động lực từ thép xây dựng và HRC.
- **Xuất khẩu:** Ghi nhận sự sụt giảm trong tháng 4 (-3,2%) và lũy kế 4 tháng (-6,8%) do rào cản phòng vệ thương mại; thép HRC là điểm sáng duy nhất với sản lượng xuất khẩu tăng trưởng gần 2 lần.
- **Diễn biến giá:** Giá nguyên liệu đầu vào tăng cao (than mỡ tăng 30,1%, thép phế tăng 13,8%); giá HRC tháng 4 tăng 18,9% so với cùng kỳ; giá thép xây dựng nội địa ổn định trong tháng 4 sau các đợt tăng mạnh đầu năm.
- Từ đầu tháng 3/2026, giá nhiều sản phẩm thép tại Việt Nam tăng mạnh do chi phí đầu vào, vận chuyển và năng lượng tăng. Diễn biến này có thể hỗ trợ lợi nhuận ngắn hạn của doanh nghiệp thép nhờ hiệu ứng độ trễ hàng tồn kho, nhưng có thể đảo chiều khi căng thẳng địa chính trị hạ nhiệt.

Mục lục
Viết tắt, giải nghĩa

Phần I: THỊ TRƯỜNG THÉP THẾ GIỚI

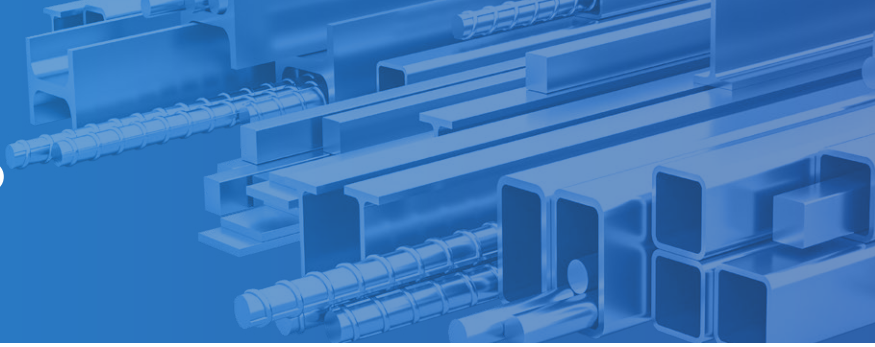

1 Sản lượng, tiêu thụ thép

Sản lượng thép thô toàn cầu của 69 quốc gia báo cáo lên Hiệp hội Thép Thế giới đạt 153,4 triệu tấn (Mt) trong tháng 4/2026, giảm 1,9% so với tháng 4/2025 ***(Bảng 1, 2)***.

2 Giá thép

Thị trường thép cuộn cán nóng (HRC) toàn cầu ghi nhận các xu hướng trái chiều trong tháng 4 năm 2026. Tại Mỹ và Trung Quốc, giá tiếp tục tăng do nguồn cung hạn chế và chi phí nguyên liệu thô ở mức cao; trong khi tại EU, thị trường nội địa vẫn chịu áp lực từ nhu cầu yếu bất chấp giá nhập khẩu gia tăng ***(Bảng 3)***.

Bảng 1: Sản lượng thép thô trong tháng 4/2026, chia theo các khu vực

Đơn vị: triệu tấn. Nguồn: Worldsteel.

Khu vực	Tháng 4/2026 (triệu tấn)	Thay đổi 4/2026 so với 2025 (%)	Lũy kế 4 tháng/2026 (triệu tấn)	Thay đổi lũy kế (%)
Châu Phi	2,1	▲ 11,5	8,4	▲ 8,7
Châu Á và Châu Đại Dương	114,2	▼ 1,3	456,4	▼ 1,8
Liên minh Châu Âu (27)	11,0	▼ 1,8	42,8	▼ 2,2
Các quốc gia Châu Âu khác	3,6	▲ 4,2	14,5	▲ 4,3
Trung Đông	3,7	▼ 27,6	16,0	▼ 12,8
Bắc Mỹ	9,4	▲ 6,9	37,0	▲ 3,5
Nga, SNG và Ukraine	6,0	▼ 13,4	24,7	▼ 11,5
Nam Mỹ	3,4	▲ 3,1	13,5	▼ 0,9
Tổng cộng 69 quốc gia	**153,4**	▼ **1,9**	**613,3**	▼ **2,0**

Bảng 2: Sản lượng thép thô 10 quốc gia có sản lượng thép thô lớn nhất thế giới trong tháng 4/2026

Đơn vị: triệu tấn. Nguồn: Worldsteel.

Quốc gia	Tháng 4/2026 (triệu tấn)	Thay đổi 4/2026 so với 2025 (%)	Lũy kế 4 tháng/2026 (triệu tấn)	Thay đổi lũy kế (%)
Trung Quốc	83,6	▼ 2,8	331,1	▼ 4,1
Ấn Độ	13,8	▲ 3,9	58,7	▲ 9,4
Mỹ	7,2	▲ 9,4	28,1	▲ 6,6
Nhật Bản	6,6	▲ 0,3	26,7	▼ 1,2
Hàn Quốc	5,2	▲ 4,8	21,0	▲ 2,5
Nga (ước tính)	5,0	▼ 12,4	20,6	▼ 12,0
Thổ Nhĩ Kỳ	3,3	▲ 9,4	13,0	▲ 6,3
Đức	3,2	▲ 9,5	12,5	▲ 9,1
Brazil (ước tính)	2,7	▲ 2,8	10,8	▼ 1,6
Việt Nam (ước tính)	2,1	▲ 4,0	8,5	▲ 8,4

Mục lục
Viết tắt, giải nghĩa

Bảng 3: Giá thép HRC tại một số thị trường từ 2024 đến tháng 4/2026

Nguồn: GMK Center, số liệu chốt đến ngày 8/5 và so sánh với ngày 3/4.

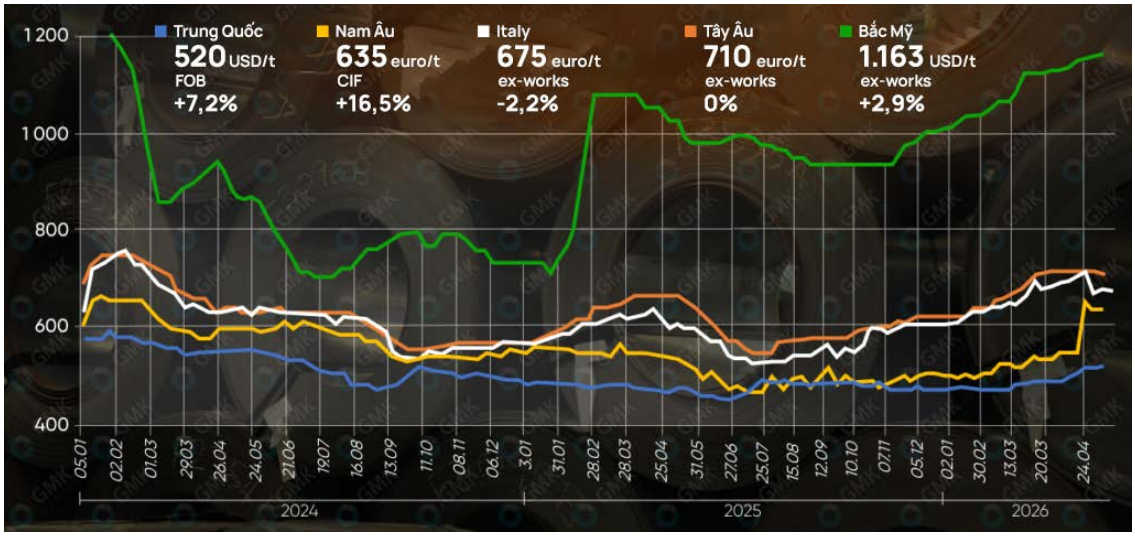

Liên minh châu Âu (EU): Thị trường châu Âu ghi nhận xu hướng trái chiều và đầy biến động do tâm lý băn khoăn của người mua:

- **Giá nội địa:** Giảm nhẹ từ **1 - 2%**. Cụ thể, tại Tây Âu giảm 0,7% (xuống còn 710 Euro/tấn xuất xưởng) và tại Ý giảm 2,2% (xuống còn 675 Euro/tấn xuất xưởng). Nguyên nhân do nhu cầu tiêu thụ thực tế từ các trung tâm dịch vụ và công ty sản xuất ống thép vẫn rất yếu.
- **Giá nhập khẩu:** Ngược lại, giá chào nhập khẩu lại tăng mạnh tới **16,5%**, dao động ở mức 635 - 650 Euro/tấn CIF (mức cao nhất kể từ tháng 1/2024). Giá tăng chủ yếu do chi phí logistics tăng, hạn ngạch nhập khẩu giảm và tâm lý lo ngại rủi ro thiếu hụt nguồn cung sau khi cơ chế CBAM được áp dụng.

Mỹ: Mỹ tiếp tục là một trong những thị trường có mức tăng trưởng mạnh mẽ nhất thế giới:

- **Diễn biến giá:** Giá HRC tại đây tăng 2,9% trong tháng 4, đạt mức **1.163 USD/tấn xuất xưởng** (Bắc Mỹ) - mức cao nhất kể từ đầu năm 2024.
- **Nguyên nhân:** Động lực tăng trưởng chính đến từ việc tập đoàn Nucor liên tục tăng giá bán, kéo theo xu hướng tăng toàn thị trường. Ngoài ra, nguồn cung giao ngay bị hạn chế do một số nhà máy bảo trì định kỳ, gián đoạn nguồn cung phôi tấm, kết hợp với nhu cầu tiêu thụ ổn định từ các ngành xây dựng, cơ khí và điện lạnh (HVAC).

Trung Quốc: Trung Quốc là thị trường ghi nhận mức tăng trưởng giá mạnh mẽ nhất trong số các khu vực chính:

- **Diễn biến giá:** Các mức chào giá tăng mạnh **7,2%** trong tháng 4, đạt **520 USD/tấn FOB**, mức cao nhất kể từ tháng 7/2024.
- **Nguyên nhân:** Thị trường nhận được cú hích lớn từ thị trường tương lai, các tín hiệu vĩ mô tích cực và kỳ vọng vào các biện pháp chống khủng hoảng của chính phủ. Bên cạnh đó, việc giảm lượng tồn kho và cắt giảm sản lượng HRC (do một phần công suất được chuyển sang sản xuất phôi tấm) đã làm giảm nguồn cung nội địa, đẩy giá giao ngay tăng cao dù nhu cầu tiêu thụ thực tế từ người dùng cuối vẫn còn khá chậm.

Mục lục
Viết tắt, giải nghĩa

3 Dự báo

Công ty tư vấn GMK Center dẫn báo cáo mới nhất của Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD) "Triển vọng Ngành thép 2026" cho biết, công suất sản xuất thép dư thừa trên toàn cầu sẽ lên tới 745 triệu tấn vào năm 2026.

Con số này cao hơn sản lượng thép hiện tại của các quốc gia thành viên thuộc khối OECD là 319 triệu tấn.

Dự kiến năng suất sản xuất sẽ tăng thêm 139 triệu tấn vào năm 2028, tương đương mức tăng 5,7% so với năm 2025. Trong khi đó, tăng trưởng nhu cầu tiêu thụ lại được dự báo ở mức khá khiêm tốn, chỉ khoảng 0,9% mỗi năm.

Báo cáo chỉ ra rằng phần lớn công suất tăng thêm phát sinh tại các quốc gia ngoài khối OECD và thường nhận được sự hỗ trợ từ chính phủ. Vào năm 2024, một doanh nghiệp thép quy mô trung bình của Trung Quốc đã nhận được khoản trợ cấp tính trên tổng tài sản cao gấp 15 lần so với các nhà sản xuất ở những quốc gia khác.

Ngược lại, năng suất tại các nước thành viên OECD đã giảm 2,8 triệu tấn (-0,4%) trong giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2025. Trong đó, mức sụt giảm đặc biệt nghiêm trọng được ghi nhận tại Vương quốc Anh (-39,7%) và Nhật Bản (-7,2%).

"Tình trạng dư thừa công suất sản xuất thép đang gây ra hệ lụy cho tất cả mọi người. Nó làm bóp méo thị trường toàn cầu, suy giảm an ninh cũng như khả năng phục hồi kinh tế, đồng thời cản trở các nỗ lực đổi mới sáng tạo và phát triển bền vững", Tổng thư ký OECD Matthias Cormann nhận định.

Ông nhấn mạnh thêm rằng cần phải giải quyết triệt để các nguyên nhân gốc rễ, đặc biệt là trợ cấp và các hoạt động phi thị trường khác, điều này đòi hỏi sự tăng cường hợp tác quốc tế một cách mạnh mẽ hơn.

Báo cáo cũng nêu bật áp lực ngày càng gia tăng đối với nguồn cung nguyên liệu thô. Hiện tại, có 42 quốc gia đang áp đặt các biện pháp hạn chế xuất khẩu thép phế liệu. Bên cạnh đó, giá năng lượng leo thang do cuộc xung đột tại Trung Đông đang tạo thêm gánh nặng cho ngành, bởi chi phí năng lượng có thể chiếm tới 40% giá thành sản xuất thép. Áp lực này đang ảnh hưởng trực tiếp đến các quyết định đầu tư, khiến nhiều dự án sản xuất thép có hàm lượng phát thải carbon thấp buộc phải tạm hoãn.

Trước đó, Viện Sắt thép Mỹ (AISI) cũng từng lưu ý rằng tình trạng dư thừa năng suất toàn cầu đang làm xói mòn tính kỷ cương của thị trường. Điều này gây ra những trở ngại lớn cho các nhà sản xuất thép Mỹ, đặc biệt là khi họ đang tìm cách đầu tư vào các cơ sở sản xuất mới và hiện đại hóa hệ thống nhà xưởng. ■

Mục lục
Viết tắt, giải nghĩa

Phần II:
THỊ TRƯỜNG THÉP TRUNG QUỐC

1 Sản lượng

Trong tháng 4/2026, ngành thép Trung Quốc ghi nhận xu hướng giảm sản lượng trong bối cảnh nhu cầu trong và ngoài nước đều suy yếu. Theo số liệu của Cục Thống kê Quốc gia Trung Quốc (NBS), sản lượng thép thô của nước này trong tháng 4 đạt 83,63 triệu tấn, giảm 2,8% so với cùng kỳ năm trước và giảm 3,9% so với tháng 3. Đây cũng là mức sản lượng thép tháng 4 thấp nhất kể từ năm 2018. Tính chung 4 tháng đầu năm, sản lượng thép thô đạt 331,12 triệu tấn, giảm 4,1% so với cùng kỳ năm 2025 ***(Biểu đồ 1)***.

Dù sản lượng thép giảm, hoạt động sản xuất gang và vận hành lò cao lại có dấu hiệu phục hồi trong tháng 4. Sản lượng gang nóng trung bình hàng ngày tăng 5,2% so với tháng trước, đạt khoảng 2,39 triệu tấn/ngày. Nguyên nhân chủ yếu đến từ nhu cầu tiêu thụ nội địa mang tính mùa vụ cải thiện nhẹ, cùng với việc nới lỏng một phần các biện pháp kiểm soát môi trường tại các trung tâm công nghiệp lớn, đặc biệt là Đường Sơn. Ngoài ra, điều kiện thời tiết thuận lợi hơn tại Australia và Brazil cũng giúp nguồn cung quặng sắt ổn định trở lại, tạo điều kiện cho các nhà máy thép Trung Quốc duy trì sản xuất.

Tuy nhiên, triển vọng nhu cầu thép vẫn khá tiêu cực. Thị trường bất động sản Trung Quốc tiếp tục suy yếu kéo dài, gây áp lực lớn lên tiêu thụ thép xây dựng. Các chỉ số đầu tư bất động sản và diện tích khởi công mới tiếp tục giảm, phản ánh triển vọng nhu cầu thép trong nước còn yếu. Bên cạnh đó, tăng trưởng tiêu dùng và sản xuất công nghiệp của Trung Quốc trong tháng 4 cũng chậm lại đáng kể. Doanh số bán lẻ chỉ tăng 0,2% so với cùng kỳ năm trước, trong khi sản lượng công nghiệp tăng 4,1%, mức thấp nhất kể từ tháng 7/2023. Điều này

Biểu đồ 1: Diễn biến sản lượng thép Trung Quốc

Đơn vị: triệu tấn. Nguồn: Lan Hương tổng hợp NBS.

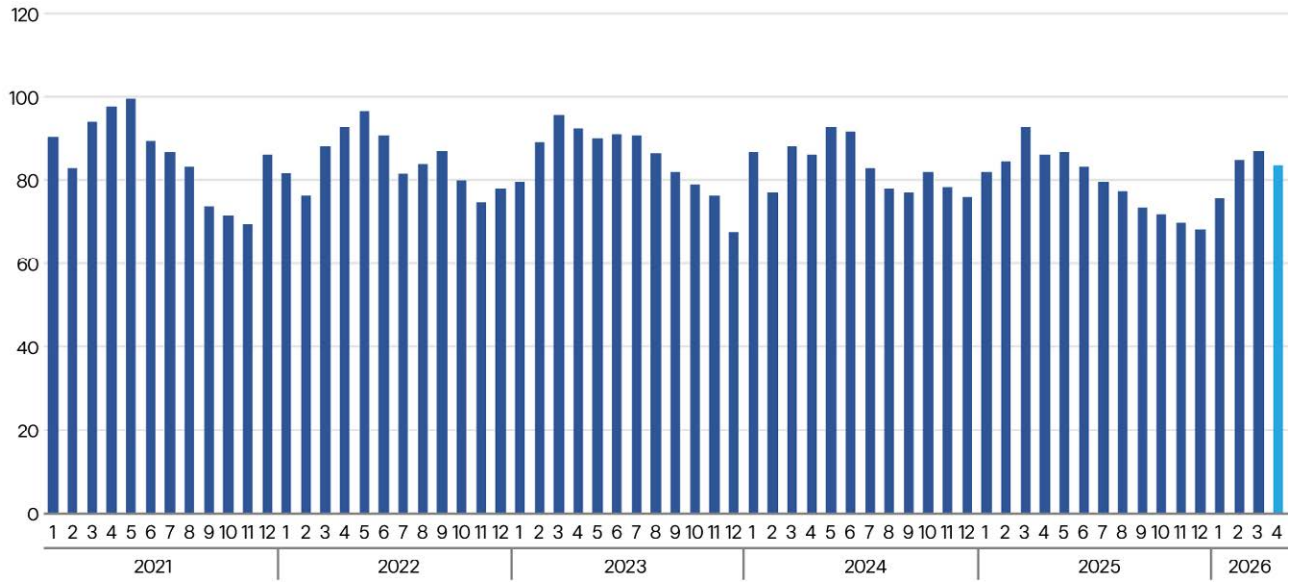

Mục lục
Viết tắt, giải nghĩa

cho thấy hoạt động kinh tế nội địa vẫn chưa phục hồi rõ rệt dù Bắc Kinh tiếp tục đặt mục tiêu tăng trưởng GDP năm 2026 trong khoảng 4,5-5%.

Ngoài yếu tố trong nước, thị trường còn chịu tác động từ môi trường kinh tế toàn cầu suy yếu. Xung đột tại Trung Đông làm gia tăng lo ngại về lạm phát và nguy cơ suy thoái kinh tế toàn cầu, từ đó ảnh hưởng tiêu cực đến nhu cầu kim loại và thép. Theo dự báo của Worldsteel, nhu cầu thép toàn cầu năm 2026 chỉ tăng khoảng 0,3%, phản ánh tình trạng trì trệ của hoạt động công nghiệp toàn cầu. Các tổ chức tài chính như Goldman Sachs cũng cho rằng việc thực thi các chính sách cắt giảm công suất và kiểm soát sản lượng thép tại Trung Quốc trong năm 2026 có thể sẽ bị trì hoãn.

Song song với đó, Trung Quốc đang tăng cường các biện pháp kiểm soát cạnh tranh "nội cuốn" trong ngành thép, thông qua việc nghiên cứu cơ chế quản lý công suất mới và phối hợp giữa chính phủ, doanh nghiệp và hiệp hội ngành nhằm ổn định sản xuất và hạn chế dư thừa nguồn cung.

2 Xuất nhập khẩu, tồn kho

Hoạt động xuất khẩu thép của Trung Quốc tiếp tục chịu áp lực trong những tháng đầu năm 2026. Trong tháng 4, Trung Quốc xuất khẩu 9,498 triệu tấn thép thành phẩm, tăng 4% so với tháng 3 nhưng vẫn giảm 9,2% so với cùng kỳ năm trước. Lũy kế 4 tháng đầu năm, xuất khẩu thép đạt 34,214 triệu tấn, giảm 9,7% so với cùng kỳ năm 2025 ***(Biểu đồ 2)***.

Riêng đối với các sản phẩm thép dài, xuất khẩu thép thanh trong 4 tháng đạt 6,05 triệu tấn, tăng 5,9% so với cùng kỳ năm trước. Xuất khẩu thép hình góc và thép hình chữ C/U đạt 2,55 triệu tấn, tăng 14,9%. Trong khi đó, xuất khẩu thép cuộn dây giảm mạnh 10,5%, xuống còn 840.000 tấn. Riêng tháng 4, xuất khẩu thép thanh đạt 1,81 triệu tấn, tăng 14,3% so với cùng kỳ; thép hình đạt 640.000 tấn, tăng 7,1%; còn thép dây cuộn giảm 4,7% xuống 270.000 tấn. Điều này cho thấy nhu cầu quốc tế đối với nhóm thép dài vẫn duy trì tương đối tích cực hơn so với các dòng thép khác.

Trong khi đó, nhập khẩu thép thành phẩm của Trung Quốc tiếp tục giảm. Tháng 4, Trung Quốc nhập khẩu khoảng 465.000 tấn thép, giảm 9,2% so với tháng trước. Tổng lượng thép nhập khẩu trong 4 tháng đầu năm đạt 1,804 triệu tấn, giảm 13,4% so với cùng kỳ năm ngoái.

Xu hướng suy giảm xuất khẩu thép của Trung Quốc chịu tác động từ nhiều yếu tố. Căng thẳng địa chính trị tại Trung Đông làm gián đoạn các tuyến vận tải biển quốc tế, kéo theo chi phí logistics và bảo hiểm tăng cao. Đồng thời, nhiều quốc gia như Việt Nam, Ấn Độ, Brazil và Hàn Quốc gia tăng các biện pháp phòng vệ thương mại và áp thuế chống bán phá giá nhằm hạn chế thép giá rẻ từ Trung Quốc. Riêng sau khi Việt Nam áp dụng các biện pháp phòng vệ thương mại, lượng thép xuất khẩu từ Trung Quốc sang thị trường này đã giảm khoảng 1,29 triệu tấn.

Ngoài ra, từ tháng 1/2026, Trung Quốc áp dụng hệ thống cấp phép xuất khẩu mới đối với khoảng 300 nhóm sản phẩm thép, làm gia tăng thủ tục hành chính và tạo thêm rào cản cho doanh nghiệp xuất khẩu. Trong bối cảnh nhu cầu toàn cầu yếu và thị trường xuất khẩu bị thu hẹp, triển vọng xuất khẩu thép Trung Quốc trong ngắn hạn vẫn được đánh giá là khá khó khăn.

Ở chiều ngược lại, nhập khẩu nguyên liệu đầu vào, đặc biệt là quặng sắt, tiếp tục tăng mạnh.

Mục lục
Viết tắt, giải nghĩa

Trong tháng 4/2026, Trung Quốc nhập khẩu 103,9 triệu tấn quặng sắt, tăng 0,7% so với cùng kỳ năm trước. Lũy kế 4 tháng đầu năm, lượng quặng sắt nhập khẩu đạt 418,6 triệu tấn, tăng 8% so với cùng kỳ năm 2025. Nguồn cung quặng ổn định hơn từ Australia và Brazil là yếu tố hỗ trợ chính cho xu hướng này.

Tại ngày 14/5/2026, tồn kho quặng sắt tại các cảng lớn của Trung Quốc ghi nhận hơn 165 triệu tấn, xu hướng giảm so với hồi đầu năm nhưng vẫn cao hơn đáng kể so với cùng kỳ năm ngoái ***(Biểu đồ 3)***.

Biểu đồ 2: Diễn biến xuất nhập khẩu thép thành phẩm của Trung Quốc

Đơn vị: triệu tấn. Nguồn: Lan Hương tổng hợp NBS

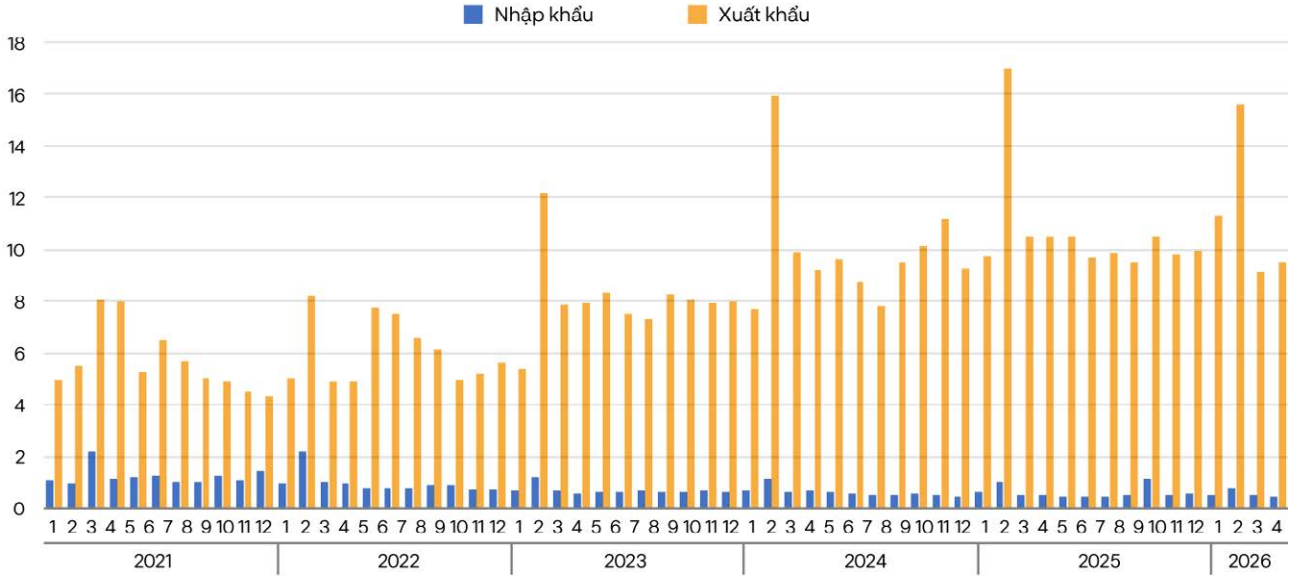

Biểu đồ 3: Diễn biến tồn kho quặng sắt tại Trung Quốc tính đến ngày 14/5/2026

Nguồn: MacroMicro.

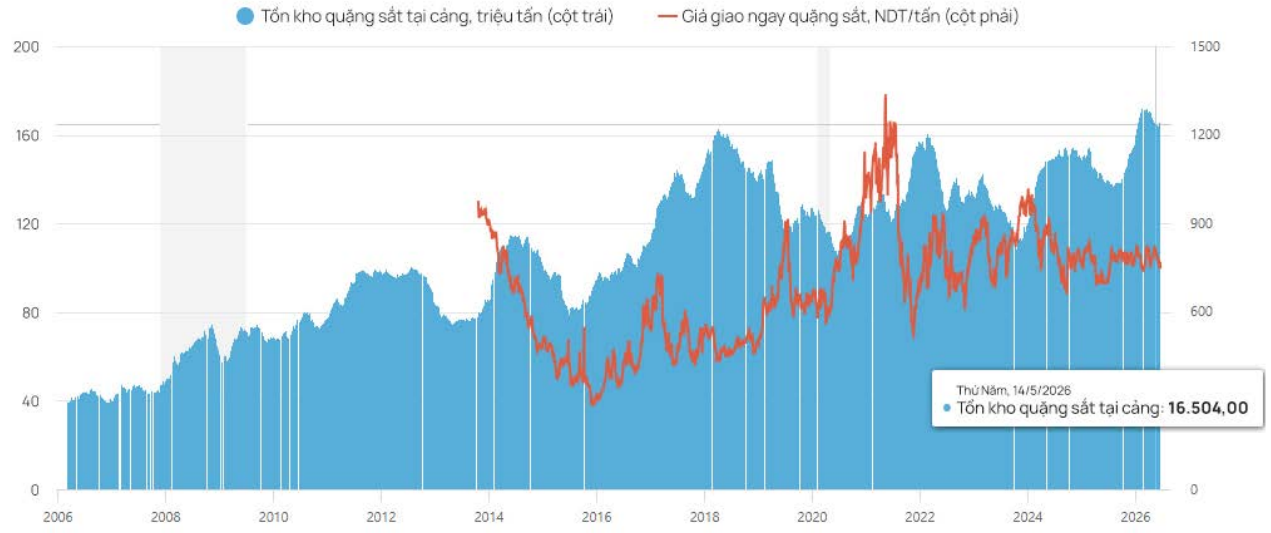

Mục lục
Viết tắt, giải nghĩa

3 Diễn biến giá

Tại ngày 19/5, giá thép thanh kỳ hạn tháng 6 trên Sàn SHFE ghi nhận 3.157 nhân dân tệ/tấn, giảm nhẹ 0,6% so với đầu năm nhưng vẫn giữ xu hướng cao hơn kể từ giữa tháng 4/2026 ***(Biểu đồ 4)***.

Trong tháng 4/2026, giá quặng sắt nhập khẩu tại Trung Quốc nhìn chung duy trì ổn định dù thị trường thép vẫn khá trầm lắng. Giá quặng sắt Australia hàm lượng Fe 61% dao động quanh mức 107 USD/tấn trong phần lớn thời gian của tháng. Tuy nhiên, vào cuối tháng, giá có xu hướng giảm nhẹ do thị trường xuất hiện tình trạng dư cung ngắn hạn khi lượng hàng nhập khẩu tăng trở lại.

Tồn kho quặng sắt tại các cảng Trung Quốc hiện ở mức thấp nhất kể từ giữa tháng 1/2026, khoảng 160 triệu tấn. Điều này phần nào hỗ trợ giá quặng trong ngắn hạn dù triển vọng nhu cầu thép chưa thực sự tích cực. Trong khi đó, giá thép và biên lợi nhuận của các nhà máy vẫn chịu áp lực bởi nhu cầu tiêu thụ yếu cả trong nước lẫn xuất khẩu, cùng với tâm lý thận trọng trước nguy cơ suy giảm kinh tế toàn cầu. ■

Biểu đồ 4: Diễn biến giá thép thanh và quặng sắt kỳ hạn tháng 6/2026 trên Sàn Thượng Hải (SHFE) và Đại Liên (DCE)

Đơn vị: NDT/tấn. Nguồn: Barchart.

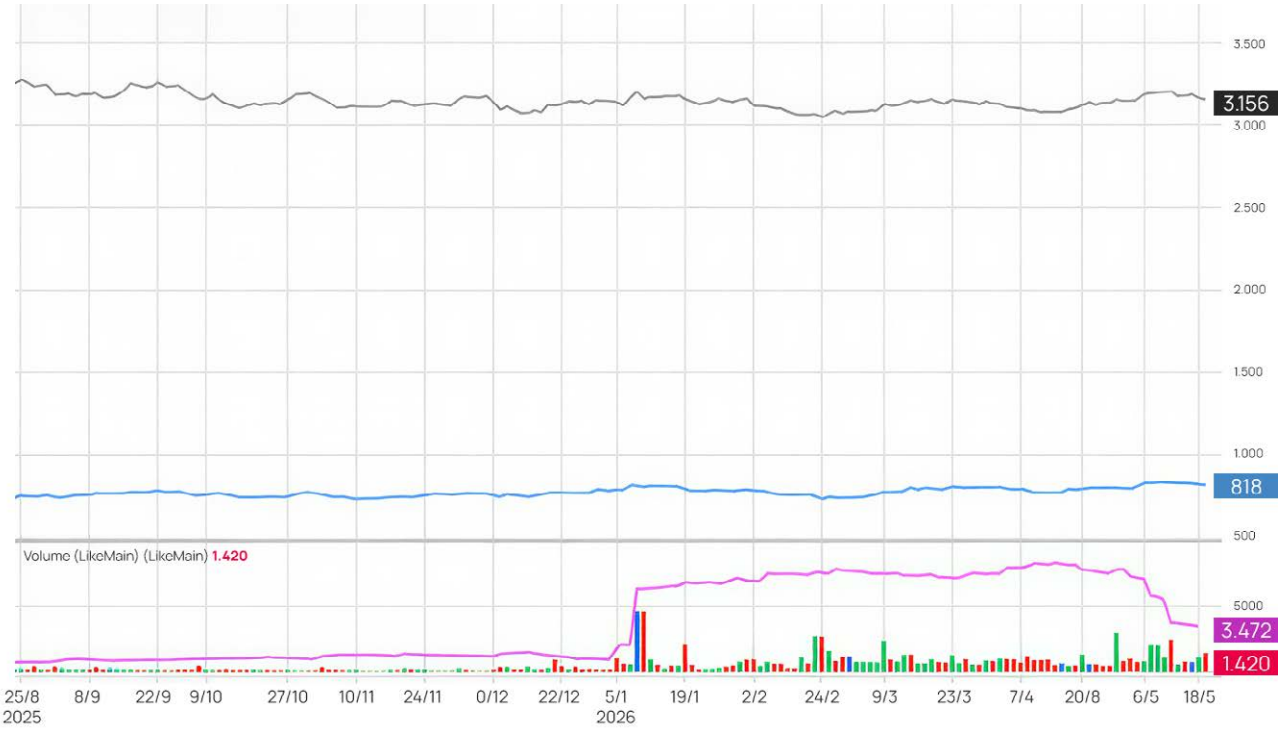

Mục lục
Viết tắt, giải nghĩa

Phần III: THỊ TRƯỜNG THÉP VIỆT NAM

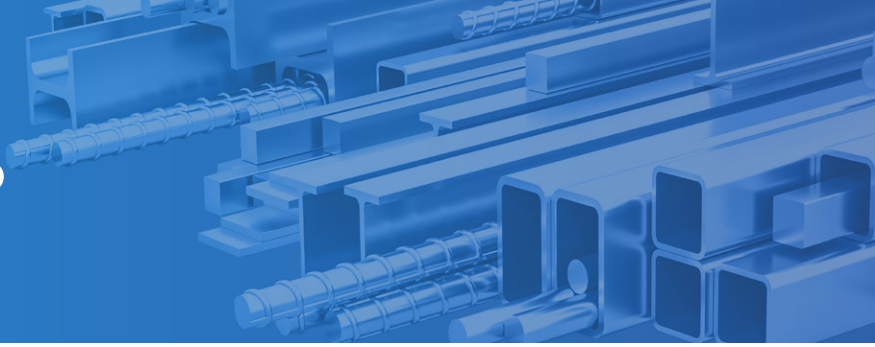

1 Nguồn cung

a. Sản xuất trong nước

Trong tháng 4/2026, ngành thép Việt Nam duy trì đà tăng trưởng tích cực cả về sản lượng thép thô và thép thành phẩm ***(Bảng 4)***.

- **Thép thô:** Sản lượng đạt **2,542 triệu tấn, tăng 3,3%** so với tháng trước và **tăng mạnh 24,2%** so với cùng kỳ năm 2025. Theo ước tính của Hiệp hội Thép Thế giới (Worldsteel), sản lượng này giúp Việt Nam tiếp tục duy trì vị thế trong **Top 10 quốc gia sản xuất thép lớn nhất thế giới** tháng thứ hai liên tiếp (kể từ tháng 3/2026).
- **Thép thành phẩm các loại:** Sản lượng đạt **3,116 triệu tấn, tăng 1,12%** so với tháng 3/2026 và **tăng 13,1%** so với tháng 4/2025.

Tính chung 4 tháng đầu năm, các chỉ số sản xuất đều cho thấy sự phục hồi mạnh mẽ so với năm trước ***(Bảng 5)***.

- **Thép thô:** Lũy kế đạt **9,704 triệu tấn, tăng 23,5%** so với cùng kỳ năm 2025.
- **Thép thành phẩm các loại:** Đạt **11,673 triệu tấn, tăng 14%** so với cùng kỳ. Trong đó, động lực tăng trưởng chính đến từ thép xây dựng và thép cán nóng (HRC) nhờ hoạt động đầu tư công diễn ra mạnh mẽ và dự án Dung Quất 2 đi vào hoạt động.

Việt Nam đã chính thức vượt Iran để lọt vào Top 10 quốc gia sản xuất thép lớn nhất thế giới từ tháng 3/2026 và giữ vững vị trí này trong tháng 4. Điều này diễn ra trong bối cảnh sản xuất của Iran bị ảnh hưởng bởi chiến sự, trong khi Việt Nam duy trì đà tăng trưởng ổn định.

Bảng 4: Sản lượng sản xuất thép thành phẩm chi tiết tháng 4/2026

Nguồn: VSA.

Chủng loại thép	Sản lượng (tấn)	So với tháng 4/2025 (%)
Thép xây dựng	1.264.208	▲ 13,1%
Thép cán nóng (HRC)	961.092	▲ 37,2%
Thép cán nguội (CRC)	259.910	▲ 5,6%
Tôn mạ KL & SPM	402.786	▼ 16,7%
Ống thép	228.785	▲ 10,2%
Tổng cộng	3.116.780	▲ 13,1%

Bảng 5: Sản lượng sản xuất thép thành phẩm 4 tháng đầu năm 2026

Nguồn: VSA.

Chủng loại thép	Sản lượng (tấn)	So với cùng kỳ 2025 (%)
Thép xây dựng	4.989.878	▲ 21,1%
Thép cán nóng (HRC)	3.366.136	▲ 32,4%
Thép cán nguội (CRC)	925.241	▼ 1,4%
Tôn mạ KL & SPM	1.544.667	▼ 15,8%
Ống thép	847.161	▲ 5,4%
Tổng cộng	**11.673.083**	**▲ 14,0%**

Mục lục
Viết tắt, giải nghĩa

Biểu đồ 5: Khối lượng nhập khẩu thép của Việt Nam qua các tháng trong năm 2025 và 2026

Nguồn: VITIC tính toán từ số liệu của Cục Hải quan và VSA.

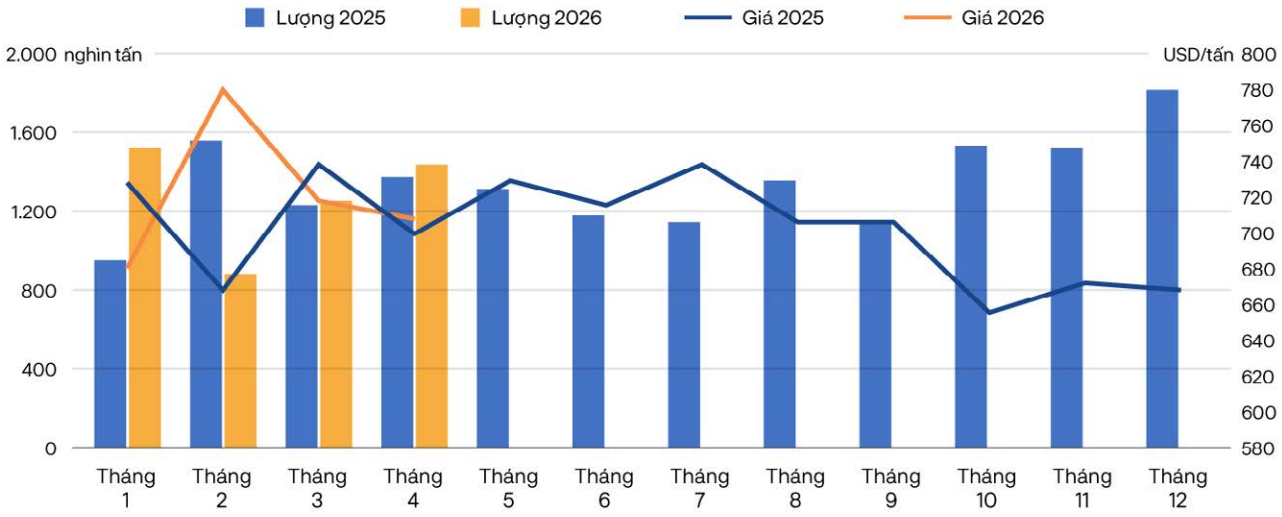

b. Nhập khẩu

Trong 4 tháng đầu năm 2026, lượng thép nhập khẩu của Việt Nam có xu hướng giảm nhẹ về khối lượng nhưng lại tăng về giá trị so với cùng kỳ năm trước ***(Biểu đồ 5)***:

- **Khối lượng:** Ước đạt **5,04 triệu tấn, giảm 1,45%** so với cùng kỳ năm 2025.
- **Giá trị:** Đạt hơn **3,61 tỷ USD, tăng 1,63%** về giá trị so với cùng kỳ.

Trung Quốc tiếp tục là quốc gia cung cấp thép lớn nhất cho Việt Nam, chiếm hơn một nửa tổng lượng và giá trị nhập khẩu. Cụ thể tỷ trọng của các thị trường chính như ***Bảng 6***:

Bảng 6: Các quốc gia xuất khẩu thép lớn sang Việt Nam trong 4 tháng đầu năm

Nguồn: VITIC tính toán từ số liệu của Cục Hải quan và VSA.

Thị trường	Tỷ trọng về lượng (%)	Tỷ trọng về giá trị (%)
Trung Quốc	58,07%	51,92%
Nhật Bản	16,34%	14,68%
Hàn Quốc	9,48%	11,01%
ASEAN	9,13%	15,00%
Đài Loan	5,77%	5,50%

2 Tiêu thụ

a. Tổng lượng bán hàng

aa. Tiêu thụ thép thô

Sức mua trên thị trường thép thô ghi nhận sự tăng trưởng ổn định so với cùng kỳ năm trước:

- **Tháng 4/2026:** Lượng tiêu thụ đạt **2.424.229 tấn, tăng 8,7%** so với tháng 3/2026 và tăng 17,5% so với tháng 4/2025.
- **Lũy kế 4 tháng đầu năm 2026:** Tổng lượng tiêu thụ đạt **9.215.603 tấn, tăng 18,7%** so với cùng kỳ năm 2025.

ab. Tiêu thụ thép thành phẩm các loại

Mặc dù có sự sụt giảm nhẹ so với tháng 3/2026, nhưng tính chung 4 tháng đầu năm, thị trường vẫn duy trì đà phục hồi mạnh mẽ:

- **Tháng 4/2026:** Sản lượng bán hàng đạt **3,19 triệu tấn, giảm 5,64%** so với tháng trước nhưng **tăng 10,5%** so với cùng kỳ năm 2025.
- **Lũy kế 4 tháng đầu năm 2026:** Tổng lượng bán hàng đạt **11,866 triệu tấn, tăng 14,1%** so với cùng kỳ năm ngoái.

Mục lục
Viết tắt, giải nghĩa

Bảng 7: Tiêu thụ theo chủng loại thép tháng 4 và 4 tháng đầu năm 2026

Nguồn:Lan Hương tổng hợp.

Chủng loại thép	Tháng 4/2026 (tấn)	So với tháng 4/2025 (%)	4 tháng đầu năm 2026 (tấn)	So với cùng kỳ 2025 (%)
Thép Xây dựng	1.282.611	▲ 5,0%	5.252.736	▲ 22,3%
HRC (Thép cán nóng)	978.009	▲ 27,8%	3.338.225	▼ 24,8%
CRC (Thép cán nguội)	226.127	▼ 4,8%	816.140	▼ 12,6%
Tôn mạ KL & SPM	450.336	▲ 3,0%	1.515.139	▲ 7,2%
Ống thép	253.253	▲ 12,5%	944.665	▲ 9,2%
Tổng cộng	**3.190.336**	**▲ 10,5%**	**11.866.905**	**▲ 14,1%**

Bảng 8: Xuất khẩu thép thành phẩm trong tháng 4 và luỹ kế 4 tháng năm 2026

Nguồn:Lan Hương tổng hợp.

Chủng loại thép	Tháng 4/2026		4 tháng đầu 2026	
	Xuất khẩu (tấn)	So với cùng kỳ năm ngoái (%)	Xuất khẩu (tấn)	So với cùng kỳ năm ngoái (%)
Thép xây dựng	115.702	▼ 23%	451.204	▼ 25%
Thép cán nóng (HRC)	185.963	▲ 79%	601.970	▲ 99%
Thép cán nguội (CRC)	52.294	▼ 24%	222.781	▼ 19%
Tôn mạ	145.263	▼ 24%	428.075	▼ 36%
Ống thép	27.792	▼ 6%	121.343	▲ 4%
Tổng cộng	527.014	▼ 3%	1.825.379	▼ 7%

Thị trường tiêu thụ thép trong 4 tháng đầu năm 2026 đón nhận nhiều tín hiệu tích cực từ nhu cầu nội địa, đặc biệt là sự tăng trưởng mạnh của thép xây dựng (+22,3%) và thép cán nóng HRC (+24,8%). Tuy nhiên, các mặt hàng phục vụ xuất khẩu như tôn mạ và thép cán nguội vẫn đang đối mặt với nhiều thách thức, ghi nhận mức sụt giảm so với cùng kỳ do gặp phải các hàng rào phòng vệ thương mại tại nhiều thị trường quốc tế ***(Bảng 7)***.

b. Xuất khẩu

Hoạt động xuất khẩu trong tháng 4 ghi nhận sự sụt giảm nhẹ về tổng sản lượng so với cả tháng trước và cùng kỳ năm ngoái ***(Bảng 8)***:

- **Tổng sản lượng xuất khẩu (thành viên VSA):** Đạt **527.014 tấn**, **giảm 1,69%** so với tháng 3/2026 và **giảm 3,2%** so với tháng 4/2025.
- **Điểm sáng duy nhất:** Thép cuộn cán nóng (HRC) là mặt hàng duy nhất có sự tăng trưởng bứt phá, đạt **185.963 tấn**, **tăng gần 1,8 lần** (tương đương 79%) so với cùng kỳ.
- **Các mặt hàng khác:** Đều ghi nhận mức sụt giảm, đặc biệt là thép cán nguội (-24,4%), tôn mạ (-24,3%) và thép xây dựng (-22,9%).

Tính chung 4 tháng đầu năm, số liệu có sự phân hóa giữa tổng kim ngạch toàn quốc và sản lượng của các doanh nghiệp thành viên VSA:

Mục lục
Viết tắt, giải nghĩa

- **Theo số liệu Cục Hải quan (Tổng các loại thép và các doanh nghiệp):**
  - Lượng xuất khẩu: Ước đạt **3,86 triệu tấn**, **tăng nhẹ 0,51%** so với cùng kỳ năm 2025.
  - Giá trị xuất khẩu: Ước đạt **2,48 tỷ USD**, **giảm 1,03%** về giá trị.

- **Theo số liệu các doanh nghiệp thành viên VSA (thép thành phẩm):**
  - Lượng xuất khẩu: Đạt hơn **1,825 triệu tấn**, **giảm 6,8%** so với cùng kỳ.
  - Tăng trưởng theo chủng loại: Xuất khẩu thép cán nóng (HRC) tăng trưởng mạnh nhất (gấp hơn 2 lần cùng kỳ), ống thép **tăng 3,8%**. Ngược lại, thép xây dựng **giảm 25,1%** và tôn mạ **giảm mạnh 35,5%**.

Thị trường xuất khẩu chính

Thị trường xuất khẩu của thép Việt Nam trong 4 tháng đầu năm 2026 tập trung chủ yếu vào các khu vực truyền thống, dẫn đầu là khối ASEAN ***(Bảng 9)***.

Thách thức đối với xuất khẩu

Mặc dù sản lượng thép thô của Việt Nam đã lọt vào **Top 10 thế giới** tháng thứ hai liên tiếp, nhưng hoạt động xuất khẩu thép thành phẩm vẫn đang đối mặt với nhiều rào cản lớn:

- **Hàng rào phòng vệ thương mại:** Hoạt động xuất khẩu gặp khó khăn do các chính sách bảo hộ và hàng rào kỹ thuật tại các thị trường quốc tế. Tính đến tháng 5/2026, thép xuất khẩu của Việt Nam phải đối mặt với **92 vụ việc** kiện phòng vệ thương mại từ nước ngoài (trong đó có 55 vụ kiện chống bán phá giá).
- **Chi phí gia tăng:** Áp lực từ chi phí năng lượng, logistics (tăng 15-30%) và biến động giá nguyên liệu đầu vào làm giảm sức cạnh tranh của thép Việt Nam trên thị trường toàn cầu.

Bảng 9: Các thị trường xuất khẩu thép chính của Việt Nam trong 4 tháng đầu năm
Nguồn: VITIC tính toán từ số liệu của Cục Hải quan và VSA.

Thị trường	Tỷ trọng về lượng (%)	Tỷ trọng về giá trị (%)
ASEAN	36,92%	33,91%
Liên minh châu Âu (EU)	16,23%	16,09%
Hoa Kỳ	13,38%	12,12%
Ấn Độ	6,99%	11,36%
Brazil	3,66%	3,30%

3 Diễn biến giá

a. Diễn biến giá nguyên liệu sản xuất thép

Trong tháng 4/2026, giá các loại nguyên liệu đầu vào tiếp tục xu hướng biến động và duy trì ở mức cao so với cùng kỳ năm trước, gây áp lực lớn lên biên lợi nhuận của các doanh nghiệp sản xuất ***(Bảng 10)***.

Cụ thể, giá **quặng sắt** (loại 62% Fe) bình quân trong tháng 4 đạt **105,4 USD/tấn**, tăng 6,3% so với cùng kỳ năm 2025. Đáng chú ý, mặt hàng **than mỡ luyện coke** ghi nhận mức tăng trưởng mạnh nhất khi đạt bình quân **237,5 USD/tấn, tăng tới 30,1%** so với cùng kỳ.

Đối với **thép phế liệu**, giá bình quân tháng 4 đứng ở mức **400 USD/tấn**, tăng 13,8% so với năm ngoái; trong khi đó, giá **phôi thép** đạt **492,9 USD/tấn**, tăng 9,8% so với cùng kỳ năm 2025. Việc giá nhiên liệu và chi phí vận tải biển tăng cao (từ 15-30%) cũng là những yếu tố cộng hưởng gây khó khăn cho hoạt động sản xuất.

Mục lục
Viết tắt, giải nghĩa

b. Giá thép cuộn cán nóng (HRC)

Thị trường thép **HRC** trong tháng 4/2026 chứng kiến sự điều chỉnh tăng đáng kể. Giá HRC bình quân trong tháng đạt **581,5 USD/tấn, tăng 18,9%** so với cùng kỳ năm 2025 và tăng 10% so với tháng trước đó. Đến giữa tháng 5/2026, giá giao dịch tại các cảng Việt Nam đã chạm mức 610 USD/tấn CFR, tăng thêm khoảng 56 USD/tấn so với thời điểm đầu tháng 4. Sự biến động mạnh của thị trường HRC thế giới đã khiến các doanh nghiệp sản xuất hạ nguồn (như tôn mạ, ống thép, thép cán nguội) gặp nhiều thách thức trong việc ổn định nguồn cung nguyên liệu sản xuất.

c. Giá thép xây dựng trong nước

Trái ngược với đà biến động mạnh của nguyên liệu, **giá thép xây dựng nội địa** ghi nhận trạng thái khá ổn định trong suốt tháng 4/2026 sau những đợt điều chỉnh mạnh từ đầu năm.

Tính chung trong Quý I/2026, các nhà sản xuất đã thực hiện từ 4-6 đợt điều chỉnh giá với tổng mức tăng khoảng 1.200 - 1.450 đồng/kg (tương ứng tăng từ 10-13% so với cùng kỳ năm 2025) nhằm bù đắp chi phí đầu vào. Bước sang tháng 4, mức giá được giữ ổn định, dao động trong khoảng từ **15.100 - 15.250 đồng/kg** đối với thép cuộn và từ 1**5.200 - 15.700 đồng/kg** đối với thép cây. Các chuyên gia dự báo xu hướng giá này sẽ tiếp tục duy trì hoặc có sự điều chỉnh chậm lại cho đến khi bước vào Quý III/2026 ***(Biểu đồ 6)***.

Bảng 10: Giá các loại nguyên liệu đầu vào sản xuất thép trong tháng 4/2026

Đơn vị: USD/tấn. Nguồn: VNSteel tổng hợp tháng 5/2026.

Mặt hàng	2025		2025		So với tháng 3/2026	So với tháng 4/2025	Giá hiện tại
	BQ tháng 3	BQ tháng 4	BQ tháng 3	BQ tháng 4			
Quặng sắt 62% Fe - CFR Bắc Trung Quốc	101,4	99,1	105,8	105,4	▼ 0,3%	▲ 6,3%	106,3
Than mỡ PLV HCC - FOB Úc	175,2	182,5	224,9	237,5	▲ 5,6%	▲ 30,1%	244,0
Thép phế HMS 1/2 80:20 - CFR Việt Nam	367,5	351,5	373,3	400,0	▲ 7,1%	▲ 13,8%	372,0
Phôi thép - CFR Đông Nam Á	459,5	449,0	481,9	492,9	▲ 2,3%	▲ 9,8%	502,0
HRC 2mm CFR VN	493,8	489,0	528,5	581,5	▲ 10,0%	▲ 18,9%	610,0

Biểu đồ 6: Diễn biến giá thép CB240 trong nước

Đơn vị: đồng/kg. Giá thép ghi nhận tới ngày 29/4/2026. Nguồn: SteelOnline.

Mục lục
Viết tắt, giải nghĩa

4 Dự báo

Theo Tổng Công ty Thép Việt Nam (VNSteel), trong bối cảnh hiện nay, thị trường tôn mạ Việt Nam đang bước vào giai đoạn biến động mạnh khi vừa chịu tác động từ xu hướng tăng giá nguyên liệu, vừa đối diện rủi ro gia tăng từ các biện pháp phòng vệ thương mại toàn cầu. Dù nhu cầu nội địa có dấu hiệu cải thiện nhờ đầu tư công và xây dựng phục hồi, triển vọng của nhóm doanh nghiệp tôn mạ vẫn phụ thuộc lớn vào khả năng thích ứng với biến động thương mại quốc tế cũng như diễn biến giá HRC trong thời gian tới.

giá HRC nội địa tăng mạnh ngay từ đầu tháng 5/2026 sau khi Hòa Phát và Formosa Hà Tĩnh đồng loạt điều chỉnh giá bán.

Theo các nguồn tin thị trường, ngày 4/5, nhà sản xuất này đã thông báo tăng giá HRC giao tháng 6/2026 thêm 1.320 đồng/kg (tương đương 50 USD/tấn) so với mức của tháng trước. Theo đó, HRC SAE1006/SS400 không skinpass hiện được chào bán ở mức 15.710-15.740 đồng/kg (tương đương 596-597 USD/tấn) CFR chưa bao gồm VAT, trong khi sản phẩm skinpass có phụ phí khoảng 5 USD/tấn.

Động thái này diễn ra trong bối cảnh giá HRC nhập khẩu từ Indonesia, Ấn Độ và Nhật Bản tăng mạnh từ 25-85 USD/tấn trong tháng 4 do chi phí nguyên liệu và căng thẳng địa chính trị leo thang.

Chỉ một tuần sau, Formosa Ha Tĩnh tiếp tục nâng giá HRC thêm gần 60 USD/tấn. Theo các nguồn tin thị trường, Formosa đã tăng giá HRC SAE1006 và SS400 không skinpass giao tháng 6-7 cho khách hàng nội địa thêm 1.537 đồng/kg (tương đương 58 USD/tấn) so với mức giá của tháng trước. Giá chào SAE1006/SS400 không skinpass cho khách nội địa dao động 603-613 USD/tấn CIF tùy khối lượng mua. Các thương nhân cho biết lượng phân bổ HRC giao tháng 6 từ Hòa Phát khá hạn chế nên thị trường dự báo hàng Formosa sẽ nhanh chóng được tiêu thụ hết.

TheoVNSteel, việc giá HRC tăng mạnh đang tạo áp lực trực tiếp lên các doanh nghiệp tôn mạ hạ nguồn khi chi phí nguyên liệu đầu vào chiếm tỷ trọng rất lớn trong giá thành sản phẩm tôn mạ.

Sau khi HRC tăng, nhiều nhà máy tôn cũng có thông báo tăng giá.VNSteel dẫn số liệu từ thitruongthep.com cho biết đối với Hoa Sen, tính từ đầu tháng 5/2026 đã tăng giá 4 lần, mức lũy kế trong khoảng 600-1000 đồng/kg, tùy khu vực. Từ 4/5, Tây Nam, Tôn Phú Mỹ, Mỹ Việt, Tôn Hòa Phát.. thông báo tăng khoảng 500 -700 đồng/kg, Hoa Sen 200-300 đồng/kg, Vnsteel Thăng Long tăng 2% khoảng 600 đồng/kg, Pomina tăng 1.100-1.800 đồng/kg tùy mặt hàng..

Các biện pháp phòng vệ thương mại tích cực của Việt Nam cùng với sự gián đoạn các tuyến đường vận tải biển, khủng hoảng năng lượng do xung đột tại Trung Đông khiến chi phí vận chuyển tăng đáng kể đã giúp các nhà sản xuất thép HRC nội địa giảm áp lực cạnh tranh từ hàng nhập khẩu.

Tuy nhiên ở phía hạ nguồn, các doanh nghiệp tôn mạ lại đối mặt với chi phí HRC đầu vào tăng trong khi đầu ra lại gặp khó khăn trong xuất khẩu.

Theo thông tin thị trường, giá thép và tôn mạ tại Việt Nam kỳ vọng tăng trong quý II/2026 nhờ nhu cầu xây dựng phục hồi và đầu tư công tăng tốc.

Tuy nhiên, trái ngược với nhóm thép xây dựng hưởng lợi từ nhu cầu nội địa, nhóm doanh nghiệp tôn mạ vẫn đối mặt nhiều khó khăn do

Mục lục
Viết tắt, giải nghĩa

phụ thuộc lớn vào xuất khẩu và áp lực cạnh tranh quốc tế. Báo cáo ngành thép quý I/2026 cho thấy các doanh nghiệp tôn mạ có kết quả kinh doanh kém tích cực hơn so với nhóm thép xây dựng nội địa.

Một trong những yếu tố gây sức ép lớn nhất hiện nay là các vụ việc phòng vệ thương mại liên quan đến tôn mạ tại các thị trường xuất khẩu lớn.

Gần đây nhất, Australia xem xét khả năng khởi xướng điều tra chống bán phá giá đối với thép mạ kẽm Việt Nam. Các doanh nghiệp bị ảnh hưởng bao gồm Nam Kim, Tôn Đông Á, Hoà Phát, Hoa Sen. ■

Mục lục
Viết tắt, giải nghĩa

Phần IV:
HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC DOANH NGHIỆP TRONG NGÀNH

1 Triển vọng ngành thép

Kể từ đầu tháng 3/2026, Chứng khoán Vietcap ghi nhận các đợt tăng giá diện rộng ở hầu hết sản phẩm thép chính tại Việt Nam, bao gồm thép xây dựng (+9–10% YTD và +5% so với giai đoạn trước xung đột), HRC của HPG (+18% đối với giá giao tháng 6 so với tháng 1, và +17% so với giai đoạn trước xung đột), HRC nhập khẩu không có nguồn gốc từ Trung Quốc (+20% hoặc cao hơn YTD), và tôn mạ Động lực chính là yếu tố chi phí đẩy, đến từ chi phí đầu vào, cước vận chuyển và chi phí năng lượng tăng cao.

Ở chiều đầu vào, giá quặng sắt nhìn chung đi ngang trên cơ sở YTD nhưng tăng khoảng 5% so với trước xung đột, trong khi giá than luyện cốc tăng khoảng 5% YTD, dù vẫn thấp hơn khoảng 10% so với mức đỉnh giữa tháng 2, khi gián đoạn nguồn cung từ Úc đã hạ nhiệt.

Vietcap kỳ vọng diễn biến này sẽ tích cực trong ngắn hạn đối với lợi nhuận của các doanh nghiệp thép, do giá bán (thường được ghi nhận theo giá giao ngay) điều chỉnh nhanh hơn so với giá vốn hàng tồn kho (được mua trước đó ở mức giá thấp hơn), qua đó tạo ra lợi ích tạm thời nhờ hiệu ứng độ trễ hàng tồn kho.

Tuy nhiên, lợi ích này nhiều khả năng chỉ mang tính tạm thời và có thể đảo chiều khi các gián đoạn địa chính trị hạ nhiệt (ví dụ: nếu eo biển Hormuz trở lại bình thường).

Đánh giá về triển vọng ngành, Chứng khoán VNDirect dự báo nhu cầu thép tại Việt Nam sẽ bước vào chu kỳ tăng trưởng mạnh mẽ trong giai đoạn 2026-2027, được hỗ trợ bởi làn sóng phát triển hạ tầng quy mô lớn và sự phục hồi của thị trường bất động sản. Trong kế hoạch trung hạn 2026-2030, ngân sách đầu tư công dự kiến tăng khoảng 2,5 lần, với hàng loạt dự án trọng điểm, qua đó thúc đẩy mạnh nhu cầu vật liệu xây dựng.

Đồng thời, việc tháo gỡ pháp lý bất động sản và đà tăng presales đang hỗ trợ hoạt động xây dựng bất động sản tăng trở lại, tiếp tục củng cố tăng trưởng tiêu thụ thép nội địa.

Việc áp thuế chống lẩn tránh vào tháng 4/2026 được xem là một bước đi "đúng thời điểm", diễn ra trong bối cảnh ngành thép Việt Nam đang chuyển dịch từ trạng thái phụ thuộc nhập khẩu sang tăng dần khả năng tự chủ nguồn cung nội địa.

Trong năm 2025, tổng nhu cầu HRC đạt khoảng 16 triệu tấn, trong khi nguồn cung nội địa chỉ ở khoảng 8,3 triệu tấn.

Theo dữ liệu từ Hiệp hội Thép Việt Nam (VSA) và Hải quan Việt Nam, hơn một nửa nhu cầu trước đây được đáp ứng bởi hàng nhập khẩu, chủ yếu từ Trung Quốc, cho thấy mức độ phụ thuộc lớn của thị trường vào nguồn HRC ngoại nhập.

Việc áp thuế chống bán phá giá ban đầu vào tháng 7/2025 đã giúp hạn chế nhập khẩu HRC khi lượng nhập khẩu từ Trung Quốc suy giảm. Sau đó, Quyết định 612/QĐ-BCT mới đã chính thức thiết lập hàng rào thuế bảo hộ toàn diện khi mở rộng phạm vi áp thuế sang nhóm sản phẩm từ 1.800mm - 2.300mm.

Động thái siết chặt quản lý này diễn ra đồng

Mục lục
Viết tắt, giải nghĩa

thời với giai đoạn Dung Quất 2 tăng tốc vận hành, qua đó nâng tổng nguồn cung nội địa lên khoảng 14 triệu tấn trong năm nay.

Dù nguồn cung nội địa tăng mạnh, thị trường vẫn được kỳ vọng duy trì trạng thái thiếu hụt tương đối khi nhu cầu từ lĩnh vực công nghiệp và xây dựng tiếp tục mở rộng.

3 Hoạt động của các doanh nghiệp trong ngành

CTCP Tập đoàn Hòa Phát (Mã: HPG)

HĐQT Hòa Phát thông qua kế hoạch chi trả cổ tức năm 2025 bằng tiền mặt. Theo đó, doanh nghiệp dự kiến trả cổ tức với tỷ lệ 5%, tương ứng 500 đồng/cổ phiếu. Với khoảng 7,7 tỷ cổ phiếu đang lưu hành, Hòa Phát ước tính sẽ chi khoảng 3.850 tỷ đồng cho đợt thanh toán này.

Ngày đăng ký cuối cùng là 12/5, tương ứng ngày giao dịch không hưởng quyền là 11/5. Thời gian thanh toán dự kiến vào ngày 3/6. Nguồn chi trả được lấy từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo báo cáo tài chính kiểm toán năm 2025.

Liên quan tới hoạt động kinh doanh, Hòa Phát bổ sung thêm nhiều ngành nghề kinh doanh mới như dịch vụ tài chính, tư vấn quản lý doanh nghiệp và các hoạt động tư vấn quản lý khác.

Tập đoàn cũng mở rộng sang lĩnh vực truyền tải và phân phối điện, kinh doanh ô tô và các loại xe có động cơ khác, đồng thời tham gia sản xuất nội thất bằng gỗ và kim loại như giường, tủ, bàn ghế.

Bên cạnh đó, Hòa Phát đăng ký thêm nhiều ngành nghề liên quan đến công nghệ và hạ tầng số, gồm tư vấn máy tính, quản trị hệ thống máy tính, xử lý dữ liệu và các hoạt động liên quan đến cơ sở dữ liệu, hạ tầng công nghệ thông tin.

Ở chiều ngược lại, doanh nghiệp cũng cắt giảm một số lĩnh vực kinh doanh trước đây như trồng trọt, chăn nuôi, sản xuất giấy, dịch vụ lưu trú ngắn ngày, du lịch, bảo vệ, lập trình máy tính, cho thuê dữ liệu, sản xuất điện và vận tải đường thủy nội địa.

Theo doanh nghiệp, việc thay đổi xuất phát từ Quyết định do Thủ tướng Chính phủ ban hành ngày 29/9/2025 về hệ thống ngành kinh tế Việt Nam, có hiệu lực từ ngày 15/11/2025. Quy định mới kéo theo nhiều thay đổi về mã ngành kinh tế.

Để bảo đảm nội dung đăng ký kinh doanh phù hợp với quy định hiện hành, Đại hội đồng cổ đông Hòa Phát đã thông qua tờ trình cập nhật ngành nghề đăng ký kinh doanh tại cuộc họp ngày 21/4/2026. Đến ngày 15/5, Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Tài chính tỉnh Hưng Yên đã xác nhận việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp theo đề nghị của công ty.

Hòa Phát cho biết đây chỉ là hoạt động cập nhật theo quy định mới, không phải đăng ký bổ sung lĩnh vực kinh doanh mới. Các ngành nghề được điều chỉnh đều đã xuất hiện trong nội dung đăng ký doanh nghiệp trước đó.

Doanh nghiệp đồng thời khẳng định 5 lĩnh vực kinh doanh cốt lõi trong dài hạn vẫn gồm: gang thép, sản phẩm thép, nông nghiệp, bất động sản và điện máy gia dụng.

Liên quan tới hoạt động tự chủ nguồn nguyên liệu, hiện Hòa Phát muốn lập liên danh giải bài toán ở mỏ sắt Thạch Khê. Khẳng định siêu dự

Mục lục
Viết tắt, giải nghĩa

án mỏ sắt Thạch Khê sở hữu nguồn quặng thượng hạng nhưng có "độ khó" kỹ thuật cực cao, Tập đoàn Hòa Phát vừa đề xuất sẵn sàng liên danh với các tập đoàn khác để cùng nghiên cứu triển khai.

Quặng Manhetit và Hematit tại đây tương đối sạch, rất phù hợp để sản xuất các loại thép chất lượng cao như: thép dập nguội, sợi thép hàn hồ quang, thép làm cáp thang máy, thép tấm kháng thời tiết, thép cuộn làm tanh bố lốp ô tô (thép tirecord), hay thép làm đường rail cao tốc.

Tuy nhiên, việc mỏ sắt chưa được khai thác để đáp ứng nhu cầu trong nước đang gây lãng phí nguồn lực quốc gia, khiến Việt Nam phải tiêu tốn lượng lớn ngoại tệ để nhập khẩu quặng sắt. Trước quy mô và độ khó của dự án, Hòa Phát nhận định chỉ những doanh nghiệp hàng đầu Việt Nam mới đủ năng lực tài chính và kinh nghiệm để triển khai thành công.

Đồng thời, do mỏ Thạch Khê nằm ở vị trí chiến lược, dự án không nên giao cho nhà đầu tư có yếu tố nước ngoài nhằm đảm bảo an ninh quốc phòng. Vì mục tiêu phát triển chung của ngành luyện kim, Hòa Phát cho biết sẵn sàng liên danh với các tập đoàn lớn trong nước như Vinacomin, Thaco,... để cùng nghiên cứu triển khai.

Để đảm bảo an toàn tuyệt đối, Tập đoàn Hòa Phát đã đề xuất Chính phủ cho phép mời các tổ chức tư vấn và chuyên gia đầu ngành luyện kim, khai thác mỏ trên thế giới tham gia đánh giá toàn diện về công nghệ, tác động môi trường và an toàn khai thác.

Doanh nghiệp này cam kết sẵn sàng đóng góp chi phí, phối hợp cùng Bộ Tài nguyên và Môi trường thuê tư vấn giám sát độc lập trong suốt quá trình thực hiện.

CTCP Tập đoàn Hoa Sen (Mã: HSG)

Ngày 5/5, Hoa Sen đã hoàn tất phát hành hơn 186 triệu cổ phiếu với tỷ lệ thực hiện quyền 100:30 để trả cổ tức niên độ tài chính 2024 - 2025. Hiện tổng số cổ phiếu HSG đang lưu hành đạt hơn 807,2 triệu cổ phiếu.

Liên quan tới hoạt động kinh doanh, Hoa Sen cũng đã lên tiếng về cáo buộc bán phá giá tôn mạ biên độ lên tới 56,21% tại Australia.

Cụ thể, ngày 30/4/2026, Ủy ban Chống bán phá giá Australia khởi xướng điều tra chống bán phá giá đối với sản phẩm tôn thép mạ kẽm nhập khẩu từ Việt Nam theo đơn yêu cầu của BlueScope Steel Limited. Trong hồ sơ khởi xướng, Tập đoàn Hoa Sen (HSG) và CTCP Thép Nam Kim là hai doanh nghiệp Việt Nam được nêu tên.

Về thông tin mức biên độ bán phá giá bị cáo buộc lên tới 56,21%, Hoa Sen khẳng định đây chỉ là mức cáo buộc ban đầu do nguyên đơn đưa ra trong hồ sơ yêu cầu điều tra, không phải kết luận sơ bộ hay kết luận cuối cùng của cơ quan điều tra Australia.

Theo doanh nghiệp, trong các vụ việc phòng vệ thương mại, bên yêu cầu điều tra thường sử dụng các giả định và nguồn dữ liệu tham khảo để xây dựng mức cáo buộc ở mức cao nhằm làm cơ sở khởi xướng vụ việc. Mức thuế cuối cùng chỉ được xác định sau quá trình cơ quan điều tra thu thập, thẩm tra và đánh giá số liệu thực tế của các doanh nghiệp liên quan.

Hoa Sen cũng dẫn lại tiền lệ vụ điều tra chống bán phá giá sản phẩm tôn mạ tại Australia năm 2015, khi doanh nghiệp từng bị cáo buộc biên độ bán phá giá 16,26% nhưng kết quả cuối cùng được áp mức thuế chống bán phá giá 0% sau quá trình thẩm tra.

Mục lục
Viết tắt, giải nghĩa

Hiện vụ việc đang trong giai đoạn khởi xướng, các doanh nghiệp liên quan đang chuẩn bị và trả lời bảng câu hỏi điều tra. Theo lịch trình dự kiến, cơ quan điều tra Australia sẽ ban hành Bản công bố sự kiện trọng yếu trước ngày 18/8/2026 và đưa ra kết luận cuối cùng trước ngày 2/10/2026 (có thể được gia hạn).

Hoa Sen cho biết sẽ tiếp tục phối hợp với cơ quan điều tra để cung cấp đầy đủ thông tin, bảo vệ quyền lợi của doanh nghiệp và uy tín ngành thép Việt Nam trên thị trường quốc tế.

Bên cạnh đó, lúc 22h ngày 22/5 vừa qua tại Nhà máy Tôn Hoa Sen Phú Mỹ, đường 1B, KCN Phú Mỹ, TP HCM, đã xảy ra vụ cháy ở phần tháp của dây chuyền tái sinh axit. Khi phát hiện sự việc, công ty triển khai lực lượng phòng cháy chữa cháy tại chỗ, phối hợp với lực lượng PCCC&CNCH Khu vực 25, Công an TP HCM, để ngăn chặn vụ cháy.

Thông tin từ Hoa Sen, sự cố không gây thiệt hại về người và hàng hóa. Thiệt hại về máy móc thiết bị của dây chuyền tái sinh axit không đáng kể; đồng thời toàn bộ máy móc thiết bị của nhà máy đã được mua bảo hiểm đầy đủ. Nguyên nhân vụ cháy đang được công ty và cơ quan chức năng điều tra, làm rõ.

Doanh nghiệp cũng cho biết dây chuyền tái sinh axit là dây chuyền phụ trợ, tách biệt khỏi khu vực các dây chuyền khác. Vì vậy, sự cố không ảnh hưởng đến hoạt động của các dây chuyền sản xuất còn lại. Các dây chuyền sản xuất khác tại nhà máy vẫn hoạt động bình thường.

Hoa Sen khẳng định vụ cháy không ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh hiện tại của tập đoàn.

CTCP Thép Nam Kim (Mã: NKG)

Hội đồng quản trị (HĐQT) Thép Nam Kim đã thông qua nghị quyết triển khai phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2025 cho cổ đông.

Theo kế hoạch, doanh nghiệp dự kiến phát hành gần 45 triệu cổ phiếu với tỷ lệ 10%, tương ứng cổ đông sở hữu 100 cổ phiếu sẽ được nhận thêm 10 cổ phiếu mới.

Tổng giá trị phát hành tính theo mệnh giá đạt hơn 447 tỷ đồng. Nguồn thực hiện được lấy từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối căn cứ trên báo cáo tài chính hợp nhất năm 2025 đã được kiểm toán.

Ngày đăng ký cuối cùng để chốt danh sách cổ đông hưởng quyền là 18/6, trong khi ngày giao dịch không hưởng quyền là 17/6. Sau đợt phát hành, vốn điều lệ của Nam Kim dự kiến tăng từ gần 4.476 tỷ đồng lên khoảng 4.923 tỷ đồng. ■

Mục lục
Viết tắt, giải nghĩa

Phụ lục

NGUỒN THAM KHẢO

Hiệp hội Thép Việt Nam (VSA)
Hiệp hội Thép Thế giới (Worldsteel)
Bộ Công Thương
Cổng Thông tin điện tử Quốc hội
Báo Nhân Dân
Báo Chính Phủ
Reuters
Bloomberg
Viện Sắt thép Mỹ
Investing.com
Chứng khoán VNDirect
Chứng khoán Vietcap

BẢN QUYỀN

Báo cáo "Thị trường thép tháng 4/2026" được biên tập viên mục Hàng hóa của VietnamBiz tổng hợp và trình bày. Các số liệu, thông tin và những phân tích được tổng hợp trong báo cáo này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin và không được sử dụng như lời khuyên cho việc tư vấn kinh doanh, tài chính và những lĩnh vực chuyên nghiệp khác.

TUYÊN BỐ MIỄN TRỪ TRÁCH NHIỆM

Thông tin và tài liệu trong báo cáo được nỗ lực tổng hợp dưới dạng sẵn có một cách chính xác nhất có thể. Tuy nhiên, tác giả không đảm bảo tính chính xác, sự thích hợp hay đầy đủ của các thông tin và số liệu, đồng thời tuyên bố miễn trừ hoàn toàn trách nhiệm đối với các lỗi hoặc thiếu sót trong các thông tin và số liệu này.

GIỚI HẠN TRÁCH NHIỆM

VietnamBiz sẽ không chịu trách nhiệm bồi thường đối với bất kì chi phí, tổn thất hoặc thiệt hại nào cho dù trực tiếp hay gián tiếp, có liên quan tới hoặc là hậu quả của việc sử dụng báo cáo, hoặc liên quan tới những thiếu sót, sai sót.

ĐỂ THEO DÕI NHỮNG BÁO CÁO GẦN NHẤT CỦA CHÚNG TÔI, XIN TRUY CẬP:

- **Mục Báo cáo hàng hóa - Chuyên mục Hàng hóa VietnamBiz**
- **Báo cáo thị trường thép tháng 1/2026**
- **Báo cáo thị trường thép tháng 2/2026**
- **Báo cáo thị trường thép quý I/2026**

THỰC HIỆN:

Nội dung: **H.Mĩ , Hoàng Kiều, Lan Hương**
Thiết kế: **Alex Chu**

MỌI Ý KIẾN ĐÓNG GÓP VỀ BÁO CÁO THỊ TRƯỜNG, XIN LIÊN HỆ TỚI:

Mrs. Trịnh Huyền Trang
Thư ký toà soạn phụ trách mục Hàng hóa - trang TTĐTTH VietnamBiz

Hotline: 099 522 2999
Email: info@vietnambiz.vn

Mục lục
Viết tắt, giải nghĩa

Địa chỉ: Lầu 5 - Tòa nhà COMPA Building - 293 Điện Biên Phủ - Phường Gia Định - TP Hồ Chí Minh
Chi nhánh: Số 5 - ngõ 38A - Phố Trần Phú - Phường Ba Đình - TP Hà Nội
Hotline: 0938.1892224 Email: info@vietnambiz.vn

Vận hành bởi VIETNEWS CORP